TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3590/2023/LĐ-ST
Ngày: 12/9/2023
V/v *Tranh chấp tiền lương sau khi chấm dứt hợp đồng lao động*.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Hải Yến

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Hùng – Cán bộ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức.

2. Ông Võ Văn Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Đại diện Viển kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-LĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023 về "Tranh chấp tiền lương sau khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4631/2023/QĐXXST-LĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5456/2023/QĐ-LĐST ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: 1 N, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1 theo Giấy ủy quyền ngày 14/03/2023.

Bị đơn: **Công ty Cổ phần H**

Trụ sở: 299 B T, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1982

Địa chỉ: B H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Ông T1 có mặt, đại diện Công ty Cổ phần H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/03/2023, đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 22/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ngọc T1 trình bày:

Ngày 14/02/2022, nguyên đơn và Công ty Cổ phần H ký kết Hợp đồng lao động số 00061/2022/HĐLĐ-ADHPP ký kèm theo Phụ lục Hợp đồng lao động số 00061/2022/PLHĐLĐ-ADHPP nội dung như sau: Vị trí công việc là "Nhân viên đấu thầu" của bộ phận "Ban kế hoạch kỹ thuật"; Mức lương theo hợp đồng là: 8.475.000 đồng (Tám triệu bốn trăm bảy mươi năm ngàn đồng) gồm mức lương chính và các khoản phụ cấp, hỗ trợ kèm theo. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 14/02/2022 đến hết ngày 13/02/2023. Thời gian trả lương theo thỏa thuận là ngày 10 của tháng kế tiếp. Quá trình làm việc tại công ty, theo tính chất, khối lượng công việc thì lương thực nhận đối với vị trí này tính bình quân là 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng/tháng.

Ngày 10/10/2022, Công ty đã ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 79/2022/QĐ-AĐHPP về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, tiền lương tháng 07, lương tháng 08 và tháng 09 vẫn chưa thanh toán, trong đó lương còn lại tháng 07 là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lương tháng 08, tháng 09 mỗi tháng là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Và công ty còn chưa chốt trả sổ bảo hiểm xã hội theo quy định cho nguyên đơn.

Công ty Cổ phần H không thanh toán đầy đủ tiền lương cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết các nội dung sau:

- Buộc Công ty Cổ phần H phải thanh toán tiền lương tháng 07, 08, 09 năm 2022 với tổng số tiền là 36.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng).

- Buộc công ty Cổ phần H trả lãi do chậm trả số tiền lương còn nợ, với Lãi suất chậm trả là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng. Trong đó:

* Lãi chậm trả tiền lương tháng 07/2022: Thời gian chậm trả tính từ ngày 11/8/2022 đến 11/09/2023. Tiền nợ gốc là: 10.000.000 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán là 10.000.000 đồng x 0.833% x 13 tháng = 1.082.900 đồng (Một triệu không trăm tám mươi hai nghìn chín trăm đồng).

* Lãi chậm trả tiền lương tháng 08/2022: Thời gian chậm trả tính từ ngày 11/9/2022 đến 11/09/2023. Tiền nợ gốc là: 13.000.000 đồng; Tiền lãi chậm thanh

toán là 13.000.000 đồng x 0.833% x 12 tháng =1.299.480 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

*Lãi chậm trả tiền lương tháng 09/2022: Thời gian chậm trả tính từ ngày 11/10/2022 đến 11/09/2023. Tiền nợ gốc là: 13.000.000 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán là 13.000.000 đồng x 0.833% x 11 tháng = 1.191.190 đồng (Một triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Tổng lãi chậm trả mà công ty phải thanh toán là: 1.082.900 đồng + 1.299.000 đồng + 1.191.000 đồng = 3.573.000 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

- Buộc công ty phải phối hợp cùng cơ quan bảo hiểm xã hội chốt sổ đóng bảo hiểm cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của Công ty Cổ phần H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Công ty Cổ phần H phải thanh toán tiền lương tháng 07, 08, 09 năm 2022 với tổng số tiền là: 36.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng).

Buộc công ty Cổ phần H trả lãi do chậm trả số tiền lương còn nợ, với Lãi suất chậm trả là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng. Từ ngày 11/8/2022 đến ngày 11/9/2023. Tổng số tiền lãi chậm trả là: 1.082.900 đồng (Lãi chậm trả lương tháng 07/2022) +1.299.000 đồng (Lãi chậm trả lương tháng 08/2022) + 1.191.000 đồng (Lãi chậm trả lương tháng 09/2022) = 3.573.000 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Công ty Cổ phần H có trách nhiệm phối hợp cùng cơ quan bảo hiểm xã hội chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Minh T theo quy định pháp luật.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đương sự và những người tiến hành tố tụng cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Minh T với Công ty Cổ phần H giải quyết quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động phát sinh từ Hợp đồng lao động số 00061/2022/HĐLĐ-ADHPP ký ngày 14/02/2022, kèm theo Phụ lục Hợp đồng lao động số 00061/2022/PLHĐLĐ-ADHPP ký ngày 14/02/2022 là tranh chấp quan hệ lao động theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Thẩm quyền giải quyết: Vụ việc ông Nguyễn Minh T khởi kiện tranh chấp đòi tiền lương và phụ cấp lương, các khoản bảo hiểm... phát sinh từ hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần H có nội dung phù hợp pháp luật, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là Công ty Cổ phần H có trụ sở hoạt động chính tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:

- Vụ án thuộc trường hợp phải có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Việc thông báo thụ lý, triệu tập người tham gia tố tụng; thông báo, tống đạt văn bản tố tụng; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia vụ án theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty Cổ phần H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cụ thể như sau:

- Ngày 26/5/2023 tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án số 21/TB-TA ngày 20/4/2023;

- Ngày 15/6/2023 tống đạt trực tiếp Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất và triệu tập tham gia

phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 21/6/2023;

- Ngày 03/7/2023 tống đạt trực tiếp Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 21/7/2023;

- Ngày 07/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho Công ty Cổ phần H Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4631/2023/QĐXXST - LĐ, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/7/2023, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 23/8/2023;

- Ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho Công ty Cổ phần H Quyết định hoãn phiên tòa số 5456/2023/QĐ-LĐST ngày 23/8/2023 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 12/9/2023;

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, đại diện Công ty Cổ phần H đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đại diện Công ty Cổ phần H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đại diện Công ty Cổ phần H.

- Về thủ tục tiền tố tụng : Người lao động yêu cầu đòi lại số tiền lương, phụ cấp lương và các khoản bảo hiểm: Phòng Lao động và Thương binh xã hội thành phố T đã tiến hành thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động tại cơ sở 02 lần nhưng không tiến hành hòa giải được nên lập biên bản hòa giải không thành theo quy định tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật Lao động 2019. Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 188 Bộ luật Lao động, người lao động khởi kiện là phù hợp.

- Bị đơn là Công ty Cổ phần H (Mã số doanh nghiệp: 0105585885) qua tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại thời điểm thụ lý, xét xử sơ thẩm vụ án thì doanh nghiệp có địa chỉ trụ sở hoạt động chính tại: B B T, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là địa chỉ bị đơn giao dịch ghi trên hợp đồng lao động là phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ vụ án (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần H đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/03/2021). Tòa án đã tiến hành tống đạt cho đại diện pháp luật của Công ty nhưng tại phiên tòa đại diện Công ty Cổ phần H vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Công ty Cổ phần H.

- Xét trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm của Công ty Cổ phần H và người lao động không thuộc trách nhiệm dân sự theo thỏa thuận hợp đồng, mà trách nhiệm luật định theo Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế quy định nên xét không cần thiết phải tiến hành hòa giải và không cần thiết phải đưa Bảo hiểm xã hội thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng vụ án, với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án;

[3] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn*:

3.1 Xét Hợp đồng lao động số 00061/2022/HĐLĐ-ADHPP ký ngày 14/02/2022, kèm theo Phụ lục Hợp đồng lao động số 00061/2022/PLHĐLĐ-ADHPP ký ngày 14/02/2022 ký kết giữa Công ty Cổ phần H HPP với ông Nguyễn Minh T là quan hệ lao động theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Lao động năm 2019. Xét đây là hợp đồng lao động có hình thức, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các chủ thể tự nguyện ký kết là giao dịch hợp pháp nên Hợp đồng lao động có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 14/02/2022 đến hết ngày 13/02/2023.

Quá trình thực hiện Hợp đồng lao động, ông T làm việc tại Công ty Cổ phần H theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng Mức lương chính là 5.525.000 đồng/tháng (Chưa bao gồm các khoản phụ cấp, hỗ trợ kèm theo). Do Công ty Cổ phần H thanh toán tiền lương không đầy đủ nên phát sinh tranh chấp hợp đồng lao động.

3.2 Xét yêu cầu đòi nợ lương của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chứng minh Công ty Cổ phần H còn nợ tiền lương, phụ cấp lương của ông Nguyễn Minh T gồm các khoản, cụ thể như sau:

- Lương tháng 07/2022 là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); (1)

- Lương tháng 08/2022 là: 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng); (2)

- Lương tháng 09/2022 là: 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng); (3)

Tổng số tiền lương của tháng 07/2022, 08/2022, 09/2022 mà Công ty Cổ phần H còn nợ nguyên đơn là: (1) + (2) + (3) = 36.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng).

Xét thấy số nợ lương này là xác thực, phù hợp với chứng cứ tại hồ sơ vụ án (Bảng sao kê tài khoản tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng N; Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHYT của mã số BHXH: 7929264563 của ông Nguyễn Minh T) nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi nợ lương của nguyên đơn.

3.3 Về các khoản bảo hiểm: Căn cứ theo Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của ông Nguyễn Minh T (Mã số BHXH:

7929264563) do cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp ngày 27/03/2022, thể hiện:

Người lao động Nguyễn Minh T (sinh năm: 1995, căn cước công dân số 054095004554, mã số BHXH: 7929264563) có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại Công ty Cổ phần H đã đóng từ tháng 03/2022 đến hết tháng 09/2022 với mức đóng 5.525.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 5, Điều 21; khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động, có nội dung: *"Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội" và "Người sử dụng lao động phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật."*. Và khoản 1 Điều 44 Luật Việc làm năm 2013 quy định về tham gia bảo hiểm thất nghiệp: *"Người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực"*. Như vậy, về trách nhiệm của người sử dụng lao động là phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định và hàng tháng trích từ tiền lương, tiền công của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Và sau khi kết thúc hợp đồng, người sử dụng lao động có trách nhiệm chốt sổ cho người lao động, đơn vị chốt được sổ chỉ khi đóng đầy đủ tiền Bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm, không nợ tiền tính đến tháng cuối cùng mà lao động làm việc. Công ty Cổ phầnH đã thực hiện việc đóng bảo hiểm đầy đủ cho ông Nguyễn Minh T theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, nên xét thấy ông Nguyễn Minh T yêu cầu Công ty Cổ phần H có trách nhiệm phối hợp cùng cơ quan bảo hiểm xã hội chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T theo quy định pháp luật là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên xét chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Do Công ty Cổ phần H vi phạm nghĩa vụ thanh toán lương cho ông T nên ông T yêu cầu thanh toán tiền lãi là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 11/8/2022 đến ngày xét xử là có căn cứ để chấp nhận. Tiền lãi chậm trả từ ngày 11/8/2022 đến ngày 12/9/2023 như sau:

Lãi chậm trả lương từ 11/8/2022 đến 11/9/2023: 10.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 13 tháng = 1.082.900 đồng. (1)

Lãi chậm trả lương từ 11/9/2022 đến 11/9/2023: 13.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 12 tháng = 1.299.000 đồng. (2)

Lãi chậm trả lương từ 11/10/2022 đến 11/9/2023: 13.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 11 tháng = 1.191.000 đồng. (3)

(1) + (2) + (3) = 3.573.000 đồng (Ba triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn) đồng.

Ghi nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án.

[4] Về án phí dân sư sơ thẩm:

Công ty Cổ phần H phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Hội đồng xét xử, xét:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều khoản tại Hợp đồng lao động số 12062022/HĐLĐ ngày 30/6/2022 và Điều 1; Điều 20; khoản 4, 6 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 2,5 Điều 21 và khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 1 Điều 44 Luật Việc làm năm 2013; khoản 1 Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T:

Buộc Công ty Cổ phần H phải thanh toán tiền lương tháng 07, 08, 09 năm 2022 cho ông Nguyễn Minh T với tổng số tiền là 39.573.000 (Ba mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn) đồng, trong đó tiền nợ lương là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 3.573.000 (Ba triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần H có trách nhiệm phối hợp cùng cơ quan bảo hiểm xã hội chốt sổ đóng bảo hiểm cho ông T theo quy định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.187.190 (Một triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, một trăm chín mươi) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Cổ phần H và ông Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Hải Yến